TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/HSST
Ngày 21 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Như Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bạch Quảng
- Bà Lê Thị Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án N dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Đỗ Nam O - Sinh năm 1970 tại Vĩnh Phúc. Nơi ĐKNKTT và cư trú: Số 106 đường T, tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân P (đã mất) và bà Đỗ Thị N (đã mất); có vợ Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1972 và 02 (hai) con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Phan Bá H - Sinh năm 1995 tại Nghệ An. Nơi ĐKNKTT và cư trú: Tổ 8, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H, sinh năm 1971 và bà Trần Thị H, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Tường L - Sinh năm 1995 tại Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT: Thôn Tú Ngọc B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Số 18 đường L, làng B,

phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày từ 09/11/2017 đến ngày 19/11/2017 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

4. Nguyễn Hữu Q - Sinh năm 1995 tại Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn 3, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nhân viên quản lý; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu S (đã mất) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1957; có vợ Tô Thị Bích N, sinh năm 1997 và 01 (một) con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

5. Trần Đại L - Sinh năm 1994 tại Gia Lai. Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn 8, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thế L (đã mất) và bà Võ Thị Kim A, sinh năm 1973; có vợ: Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1995 và 01 (một) con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

6. Phan Qui R - Sinh năm 1995 tại Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT: Xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Số 18 đường L, làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: DJ chỉnh nhạc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu P, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

7. Dương Công H - Sinh năm: 1995 tại Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT: Xã H, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Số 18 đường L, làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: DJ chỉnh nhạc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Công H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2017 đến ngày 19/11/2017 thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Văn Nh, Sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 4, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; nơi cư trú: 26/25 đường Sư Vạn Hạnh, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Huỳnh Tiến D, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Số 106 đường T, Tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 18 đường L, làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Phạm Đình T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 278 đường Nguyễn T, phường P, thành phố P. Vắng mặt

- Người làm chứng:

Ông Đặng Quang B, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 04 đường L, làng B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đỗ Nam O - Giám đốc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Viết tắt Công ty TNHHMTV) Sa Phia, có văn phòng tại số 18A đường L, làng B, phường Y, thành phố P và Trần Văn Nh (Sinh năm 1974, trú tại tổ 4, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai) có quan hệ làm ăn, quen biết nhau. Ngày 08/11/2017, O gọi điện thoại cho Nh hẹn ngày 09/11/2017 cùng với Nh đi đến huyện C, tỉnh Gia Lai để xem đất và làm thủ tục vay vốn Ngân hàng thì Nh đồng ý. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 09/11/2017, O gọi điện thoại nói Nguyễn Hữu Q (Quản lý của Công ty TNHHMTV Sa Phia) gọi cho các nhân viên của Công ty gồm: Trần Đại L, Phan Qui R, Nguyễn Tường L, Phan Bá H, Dương Công H, cùng với Q đến nhà của O ở số 106 đường T, tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai uống Cà phê và bàn công việc. Sau đó, Q thông báo cho L, R, L, H, H cùng với Q lên xe ô tô For Everets biển số 81A-064.88 do ông Huỳnh Tiến D là lái xế của Công ty TNHHMTV Sa Phia chở đi. Lúc này, có N (Hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ) là bạn của Q cũng đang ở đây nên Q nói N điều khiển xe mô tô (Hiện chưa xác định được biển số) của N đi theo Q đến nhà O. Khi đi đến nhà O thì Q, N, H, L, R, L và H đi lên tầng 03 gặp O ngồi uống cà phê cùng với 02 người phụ nữ tên là S và Th (Hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ của 02 người phụ nữ này), còn D đi bộ về nhà (Nhà của D ở gần nhà của O). Trong lúc đang ngồi uống Cà phê, O gọi điện thoại cho anh Nh nói đến để đi công việc thì Nguyễn Thị Kim N (là vợ của O), gọi O xuống tầng 02 nói cho O biết

là đã cho bà Nguyễn Thị P (Sinh năm 1965, trú tại số 26 đường Trần Nguyên Hãn, phường Đống Đa, thành phố P, tỉnh Gia Lai, là cán bộ Công an thành phố P) vay số tiền 200.000.000 đồng, do Nh là người dẫn đến và bảo lãnh cho bà P vay tiền, nhưng đến nay bà P chưa trả. Nghe N nói vậy, O bực tức đi lên tầng 03 nói H đi ra quán cà phê số 131 đường Tôn Thất Tùng, phường P, thành phố P xem Nh đến chưa. Nghe vậy, H và N ra quán cà phê ngồi đợi, còn O gọi điện cho Nh thì Nh nói đang đi taxi đến. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Nh đến nhà O thì N và H cũng đi vào theo. Sau đó, N đi trước lên tầng 03, còn H và Nh đi sau. Khi lên đến tầng 02, do bực tức vì Nh nợ tiền của H, H đòi nhiều lần nhưng Nh chưa trả nên H dùng tay đánh vào người Nh thì được Trần Thị Mỹ H (là con gái của O) can ngăn nên H đi lên tầng 03, báo cho O biết Nh đã đến. Khi Nh lên gặp O thì O nói: *"Mày là thằng lừa đảo, mày dẫn bà P bể nợ đến vay tiền vợ tao",* nói xong O dùng tay phải tát vào mặt Nh làm Nh ngã xuống nền nhà, Nh vung chân lên thì bị O cầm một chân đẩy vào trong tường. Lúc này, H nhìn thấy O đánh Nh nên lao vào định đánh Nh thì O nói: *"Không phải việc của tụi bay, lui ra"*. Sau đó, Nh ngồi lên ghế, O nói với Nh: *"Mày đứng ra bảo lãnh cho bà P vay tiền thì bây giờ mày hứa bao giờ trả?"*, Nh nói: *"Giờ phải gặp chị P để trao đổi, chứ bây giờ em cũng không biết giải quyết làm sao cả"*. Sau đó, Nh lấy điện thoại di động ra gọi cho bà P, nên O nói Nh phải bật loa ngoài để O nghe cuộc nói chuyện giữa Nh và bà P. O nghe bà P nói Nh đã lừa tiền của bà P, việc bà P vay tiền của N vợ của O là để trả nợ cho Nh. Nghe vậy, O nói Nh tắt điện thoại di động, cùng lúc này N mang quyển sổ có trang giấy viết nhận nợ của bà P đưa cho O, rồi đi xuống lại tầng 02. Lúc này, O bắt Nh viết vào giấy nợ, với nội dung: "*Xác nhận giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị P 02 đợt tổng cộng 200.000.000 đồng. Nếu chị P không trả tiền trên thì tôi Trần Văn Nh sẽ hoàn trả đủ cả gốc lẫn lãi cho chị N (lãi suất theo thỏa thuận)"*. Sau khi viết giấy nhận nợ xong, O nói: *"Tao cho mày 02 tiếng, mày phải trả hết nợ cho tao",* nói xong O cầm điện thoại đi đến góc phòng giả vờ gọi điện thoại nói với nội dung: *"A lô, có người bán một quả thận 400.000.000 đồng mua không?"* nhằm mục đích đe dọa Nh, nói xong O đi đến nói với Nh: *"Mày đi sang Campuchia bán quả thận lấy 400.000.000 đồng về mà trả nợ"*, Nh sợ nên nói: *"Thôi anh mọi việc có gì từ từ giải quyết"*. Do H đã gặp và có số điện thoại di động của bà P nên H gọi điện thoại cho bà P, bà P nghe máy và nói đang điều trị bệnh ở Hà Nội. Sau khi cúp máy, H vào gặp O và nói: *"Cháu vừa điện thoại cho bà P, bà P nói đang ở Hà Nội, chú cho cháu mượn xe chạy ra nhà bà thử",* O đồng ý nên H điều khiển xe ô tô biển số 81S-064.88 chở D và H đi ra nhà bà P ở số 26 đường T, phường Đ, thành phố P, thấy nhà khóa cửa, không có ai nên quay về lại nhà O nói cho O biết bà P không có nhà.

Trong lúc H và H đi, O nói Nh: *"Khoản nợ giờ mày tính sao, hết giờ rồi"*, Nh nói: *"Chị P bán nhà cho bà M còn dư 1.500.000.000 đồng"*, O nói: *"Tao không*

biết, mày cứ trả nợ cho tao là được, mà mày có chắc bà P có 1.500.000.000 đồng không?", Nh nói: *"Chắc"*. Nghe vậy, O gọi điện cho bà Son Thị M (Sinh năm 1958, trú tại số 661 đường Phạm Văn Đồng, phường Đống Đa, thành phố P, tỉnh Gia Lai) thì được biết bà M mua nhà của bà P và đã thanh toán xong hết tiền. Nghe vậy, O nảy sinh ý định đưa Nh đến nhà nghỉ Sa Phia giữ Nh lại không cho Nh trốn để Nh lo tiền trả nợ cho O nên O nói với Nh: *"Vậy thì giờ mày ra nhà nghỉ tao ở, chờ lấy được tiền trả nợ cho tao thì mày về",* nói xong O lấy tờ giấy khất nợ (bản pho to) của bà P ghi ngày 11/10/2017 (do Q xuống gặp N lấy mang lên để trên bàn của O trước đó) đưa cho Nh, bắt Nh viết giấy tự nguyện ở lại với nội dung: *"Giấy tình nguyện - Tôi Trần Văn Nh ở lại nhà nghỉ anh O (KS Sa Phia), 18 L, P, Gia Lai, để trả nợ cho chị Nguyễn Thị Kim N. Tôi viết giấy này là hoàn toàn tình nguyện, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật"*. Giấy ghi ngày 09/11/2017, ký và ghi họ tên: Trần Văn Nh. Sau khi Nh viết giấy xong, O đưa cho H cất giữ và nói to: *"Tao giao thằng Nh cho tụi mày đi theo, lấy bằng được tiền cho tao, nó mà chạy mất thì chết với tao"*. Nghe O nói vậy, Q, H, L, R, L, H và N đều tham gia giám sát Nh, không để Nh bỏ trốn. Sau đó, O nói: *"Tụi bay đi ăn cơm, nhớ dẫn nó theo cùng"*, nên tất cả dẫn Nh đến quán cơm gần nhà O ăn. Khi đi Q rủ thêm Danh (Hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ) - là N viên bảo vệ công trình xây dựng của nhà O đi cùng. Khi ra đến quán cơm, Q, H, H và Nh ngồi một bàn, còn L, R, L, N và Danh ngồi một bàn ăn cơm. Sau khi đi ăn cơm xong, H, L, R, L, H, N, Danh và Nh về lại nhà O; còn Q đi đến nhà D nói D ra mở cửa phía sau xe ô tô biển số 81A-064.88 để Q cất bao đàn bên trong có 02 dao tự chế (01 dao dài 108cm, 01 dao dài 104cm) và 03 kiếm đều dài 80cm lên xe để chở về Công ty TNHH MTV Sa Phia cho Q. Khoảng 13 giờ cùng ngày, O nói: *"Đứa nào đi Chư Pưh với tao"*, Q nói: *"Hôm qua em đi rồi, nay em ở nhà trực",* O nói: *"Thằng H với một thằng nữa đi Chư Pưh với tao, còn tụi bay đưa thằng Nh về nhà nghỉ luôn"*, H nói: *"Cháu với thằng H đi Chư Pưh với chú"* rồi H đưa giấy tình nguyện ở lại nhà nghỉ do Nh viết trước đó cho Q cầm. Ngay lúc này, Q nói với R, L, L và N dẫn Nh đi ra xe ô tô để D chở về nhà nghỉ Sa Phia ở số 18A đường L, làng B, phường Y, thành phố P. Khi ra đến nơi, R lên xe ô tô For Everets biển số 81A-064.88 và ngồi ghế trước bên phụ, L và L ngồi hàng ghế giữa, còn N cầm dao tự chế lấy ở trong bao đàn ra ngồi cùng với Nh ở hàng ghế sau, rồi cùng để đi về nhà nghỉ Sa Phia ở số 18A đường L, làng B, phường Y, thành phố P. Riêng O điều khiển xe ô tô biển số 81A-130.82 của O, chở H, H và chị Th đi huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai; còn Q điều khiển xe mô tô của N chở Danh đi về nhà Q tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi chở Nh đến nhà nghỉ Sa Phia thì L, R, L và N xuống xe, dẫn Nh đi vào nhà nghỉ, L đi đến quầy lễ tân gặp anh Phạm Quốc V (là lễ tân nhà nghỉ), nói: *"Anh Q nói anh sắp xếp cho ông Nh một phòng",* nói xong L đi đến phòng Massage của nhà nghỉ để ngủ.

Lúc này, L, R và Nh đi đến gặp V, L nói: *"Cho em mượn chìa khóa lầu 3"*, V nghĩ Nh là khách của O nên lấy chùm chìa khóa tầng 3 đưa cho L dẫn Nh lên tầng 3, còn R bỏ đi câu cá. Khi lên phòng 304, L mở cửa phòng dẫn Nh vào và nói: *"Ông ở phòng này, đi đâu thì nói với bảo vệ",* nói xong L ra ngoài đóng cửa phòng 304 lại và mở cửa phòng 303 (đối diện phòng 304) vào nằm nghỉ và mở nhạc nghe. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, trên đường đi đến huyện Chư Pưh, H điện thoại về cho L và nói: *"Mày đang ở đâu"*, L nói: *"Em đang ở trong phòng"*, H nói: *"Mày lên coi thằng Nh đi, đưa điện thoại cho thằng Nh để tao gặp"*, L cầm điện thoại sang phòng 304 đưa cho Nh nói chuyện với H, H nói với anh Nh: *"Đã có tiền chưa"*, Nh nói: *"Chưa, vẫn đang chạy"*, H nói: *"Vậy lo chạy đi"* rồi cúp máy. Lúc này, Q điện thoại cho L nói: *"Mày đang ở đâu, đi uống cà phê với anh"*, L nói: *"Em đang ở nhà nghỉ, anh H nói em coi ông Nh"*, Q nói: *"Vậy thì mày ở đó coi ông Nh đi"* rồi Q cúp máy. Sau đó, Q điện thoại rủ R, L và N đến quán cà phê Đan Trinh ở số 191 đường N, phường P, thành phố P uống cà phê thì R, L và N đồng ý nên L nói D điều khiển xe ô tô biển số 81A-064.88 chở đến quán cà phê Đan Trinh cùng uống cà phê với Q và Danh.

Để kiểm tra L có canh giữ Nh không, H điện thoại cho Nh và nói: *"Ông thu xếp tiền bạc như thế nào rồi?"*, Nh trả lời: *"Vẫn đang thu xếp"*, H nói tiếp: *"Có đứa nào đó không, đưa điện thoại tôi gặp"*, Nh nói: *"Có"* rồi anh Nh đi qua phòng 303 đưa điện thoại cho L và nói: *"H gặp"*, L cầm điện thoại thì nghe H nói: *"Mày không được đi đâu hết, tao điện thoại cho thằng Nh là để gặp mày"* rồi H cúp máy. Sau đó, L thường xuyên kiểm tra, giám sát Nh sợ Nh bỏ trốn. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, trên đường đi từ huyện Chư Pưh về, H lấy điện thoại của O điện thoại cho L và nói: *"Hỏi nó lo được bao nhiêu tiền rồi?"*, L giữ máy và hỏi Nh: *"Ông lo được bao nhiêu tiền rồi?"*, anh Nh trả lời: *"Được khoảng 05 đến 10 triệu rồi",* L nói lại với H: *"Ông nói lo được 05 đến 10 triệu rồi"*, H bực tức nói: *"Tát vào mồm nó cho tao, hù nó nếu không có tiền đưa sang Campuchia"* rồi cúp máy. Nghe H nói vậy, L nói với Nh: *"Ông coi lo tiền đi chứ không có sếp về đưa ông qua Campuchia đó"*, Nh trả lời: *"Anh biết rồi"*, vì bực tức thái độ của Nh nên L cầm điện thoại Nokia 7610 của L ném vào người Nh và nói: *"Ông lo kiếm tiền nhanh lên",* nói xong L nhặt lại điện thoại và đi ra ngoài đóng cửa phòng 304 lại. Do Nh không kiếm được tiền để trả nợ cho O và sợ O về đưa Campuchia bán thận nên Nh điện thoại cho chị Nguyễn Thị L (là vợ của anh Nh) nói cho chị L biết Nh đang bị bắt giữ tại phòng 304 nhà nghỉ Sa Phia số 18A đường L, phường Y, thành phố P. Sau đó, chị L đến Công an thành phố P trình báo sự việc nêu trên. Sau khi nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đến kiểm tra phòng 304 nhà nghỉ Sa Phia ở số 18A đường L, làng B, phường Y, thành phố P thì phát hiện bắt quả tang L đang giữ Nh trái pháp luật. Đến ngày 10/11/2017, O, Q, H, R, L, H ra đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 17/4/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Trần Đỗ Nam O, Phan Bá H, Nguyễn Tường L, Nguyễn Hữu Q, Trần Đại L, Phan Qui R và Dương Công H về tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Diễn biến tại phiên toà:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Các bị cáo công nhận Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo:

Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Đỗ Nam O, Phan Bá H, Nguyễn Tường L, Nguyễn Hữu Q, Trần Đại L, Phan Qui R và Dương Công H về tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1, Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Đỗ Nam O mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

+ Xử phạt bị cáo Phan Bá H mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tường L mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

+ Xử phạt bị cáo Trần Đại L mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

+ Xử phạt bị cáo Phan Qui R mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

+ Xử phạt bị cáo Dương Công H mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

- Về dân sự: Bị hại Trần Văn Nh không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ của các bị cáo các vật chứng sau.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo CE 0700, màu trắng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1661, màu hồng của bị cáo Trần Đỗ Nam O; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1784, màu đen của bị cáo Phan Bá H; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu trắng, bể màn hình; 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tường L của bị cáo Nguyễn Tường L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại RM - 1133, màu đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia không rõ Model, màu đen của bị cáo Nguyễn Hữu Q; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1586, màu hồng của bị cáo Dương Công H; 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Phan Quy R của bị cáo Phan Quy R. Các tài sản và giấy tờ tùy thân trên các bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo O, H, L, Q, H và R.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 7610, màu đen của bị cáo Nguyễn Tường L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vertu A8, màu đen của bị cáo Phan Bá H. Các bị cáo đã sử dụng để gọi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

+ 01 (một) bao da đựng đàn; 01 (một) dao tự chế dài 108cm; 01 (một) dao tự chế dài 104cm; 03 (ba) kiếm dài 80cm. Qua điều tra không xác định được ai là chủ sở hữu của các tài sản trên và các tài sản trên cũng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

* Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát.

* Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Trần Đỗ Nam O: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo còn phải đi làm ăn.

- Bị cáo Phan Bá H: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Tường L: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Hữu Q: Đây là lần đầu T bị cáo phạm tội, bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Trần Đại L: Hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái, do bị cáo không am hiểu pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo rất hối hận. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Phan Qui R: Do bị cáo nhận thức còn hạn chế nên đã phạm tội, bị cáo rất hối hận. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Dương Công H: Đây là lần đầu T bị cáo phạm tội, bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai trái. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Đỗ Nam O, Phan Bá H, Nguyễn Tường L, Nguyễn Hữu Q, Trần Đại L, Phan Qui R và Dương Công H phạm tội như sau:

Do Trần Văn Nh nợ tiền của chị Nguyễn Thị Kim N (là vợ của Trần Đỗ Nam O) và bảo lãnh người khác mượn tiền của chị N, đã quá hạn nhưng không trả tiền nên vào khoảng 10 giờ ngày 09/11/2017, tại số 106 đường T, Tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Trần Đỗ Nam O đã nói các nhân viên là Phan Bá H, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Tường L, Dương Công H, Trần Đại L, Phan Qui R và N (là bạn của Q, hiện chưa xác định được họ tên, địa chỉ) thực hiện hành vi giữ anh Nh. Sau đó, O, H, Q, L, H, L, R và N tiếp tục bắt Nh đưa về giữ tại phòng 304 nhà nghỉ Sa Phia ở số 18A đường L, phường Y, thành phố P. Đến 18 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang hành vi L đang giữ Trần Văn Nh trái pháp luật. Đến ngày 10/11/2017, O, Q, H, R, L, H ra đầu thú.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Đỗ Nam O, Phan Bá H, Nguyễn Tường L, Nguyễn Hữu Q, Trần Đại L, Phan Qui R và Dương Công H phạm tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật*" theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

Các bị cáo đều nhận thức được quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ đặc biệt, mọi hành vi xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Hành vi bắt, giữ người của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác mà còn gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc. Nhưng xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo khi phạm tội không có sự phân công, bàn bạc cụ thể nên tính chất đồng phạm mang tính giản đơn.

Đối với bị cáo Trần Đỗ Nam O, là người khởi xướng và yêu cầu các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Đối với các bị cáo Phan Bá H, Nguyễn Tường L và Nguyễn Hữu Q là những người giúp sức tích cực, bị cáo H là người trực tiếp theo dõi, đôn đốc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo L là người trực tiếp canh giữ bị hại tại nhà nghỉ; bị cáo Q là người sắp xếp xe và phòng nghỉ rồi nói các bị cáo đưa bị hại về nhà nghỉ để giữ nên các bị cáo H, L và Q phải chịu mức án ngang nhau.

Đối với các bị cáo Trần Đại L, Phan Qui R và Dương Công H, sau khi nghe bị cáo O nói giữ bị hại Nh ở lại để chờ lấy tiền thì các bị cáo đều tham gia giám sát bị hại và cùng các bị cáo khác đưa bị hại đi ăn và đưa bị hại đến nhà nghỉ Saphia. Riêng bị cáo Dương Công H mặc dù bị cáo không đi cùng các bị cáo khác đưa bị hại đến nhà nghỉ nhưng bị cáo có biết việc các bị cáo giữ bị hại ở nhà nghỉ nhưng bị cáo vẫn không có ý kiến gì. Do đó, các bị cáo L, R và H phải chịu mức án ngang nhau nhưng thấp hơn mức án các bị cáo H, L và Q.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị hại Trần Văn Nh còn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng các bị cáo Trần Đỗ Nam O, Phan Bá H, Nguyễn Hữu Q, Dương Công H, Trần Đại L và Phan Qui R còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội đã ra đầu thú.

Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về dân sự:

Bị hại Trần Văn Nh không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ các vật chứng, tài sản sau:

- Thu giữ của bị cáo Trần Đỗ Nam O 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo CE 0700, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1661, màu hồng. Bị cáo O không sử sụng các điện thoại này để gọi thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên bị cáo Phan Bá H có sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của bị cáo O để gọi cho bị cáo L để giám sát bị hại Nh nhưng bị cáo O không biết. Do đó cần trả lại cho bị cáo O 02 (hai) chiếc điện thoại trên.

- Thu giữ của bị cáo Phan Bá H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1784, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vertu A8, màu đen. Bị cáo H không sử sụng điện thoại nhãn hiệu Iphone để gọi thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Bị cáo H đã sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vertu A8 để gọi điện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Tường L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu trắng, bể màn hình; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 7610, màu đen; 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tường L. Bị cáo L đã sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 7610, màu đen để gọi điện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Các tài sản khác và giấy tờ tùy thân đã thu giữ của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo L.

- Thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại RM - 1133, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia không rõ Model, màu đen. Bị cáo Q không sử sụng các điện thoại này để gọi thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Q.

- Thu giữ của bị cáo Dương Công H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1586, màu hồng. Bị cáo H không sử sụng điện thoại này để gọi thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của bị cáo Phan Quy R 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Phan Quy R. Đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo R.

- Thu giữ 01 (một) bao da đựng đàn bên trong có: 01 (một) dao tự chế dài 108cm; 01 (một) dao tự chế dài 104cm; 03 (ba) kiếm dài 80cm. Qua điều tra, xác định, số dao và kiếm này là của khách bỏ quên tại nhà nghỉ Sa Phia nên bị cáo Nguyễn Hữu Q đã cất giữ, sau đó Q đã mang số dao và kiếm này bỏ lên xe ô tô biển số 81A-064.88. Trong quá trình giữ Trần Văn Nh để đưa về nhà nghỉ Sa Phia thì N đã sử dụng 01 dao tự chế để khống chế Nh. Số dao và kiếm được đựng trong bao da đựng đàn không xác định được của ai và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Thu giữ của ông Huỳnh Tiến D 01 xe ô tô biển số 81A-064.88. Qua điều tra xác định, đây là xe của anh Phạm Đình T cho bị cáo Trần Đỗ Nam O thuê, việc O cùng các bị cáo sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội thì anh T không biết nên Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe trên cho anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với Huỳnh Tiến D là người đã điều khiển xe ô tô biển số 81A-064.88 chở các bị cáo và Trần Văn Nh đến nhà nghỉ Sa Phia nhưng D không biết việc chở Trần Văn Nh đến nhà nghỉ Sa Phia là giữ Nh. Đối với Nguyễn Thị Kim N là người đã nói chuyện nợ tiền của Nh với bị cáo O nhưng N không biết việc các bị cáo bắt, giữ Nh, nên không Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với D và N về hành vi *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* là có căn cứ.

- Đối với Danh, S và Th là những người có mặt tại nhà của bị cáo O khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, các bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của các đối tượng trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được các đối tượng nêu trên, sẽ xem xét và xử lý sau.

- Đối với đối tượng tên N - là bạn của bị cáo Q và là người đã tham gia cùng các bị cáo khác bắt giữ Trần Văn Nh, nhưng bị cáo Q không biết rõ họ, tên và địa chỉ của đối tượng N nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai, đang tiếp tục điều tra xác minh, khi nào xác định được đối tượng nêu trên, sẽ xem xét và xử lý sau.

- Đối với hành vi bắt Trần Văn Nh viết giấy nhận nợ và bắt Nh trả nợ tiền của Trần Đỗ Nam O. Quá trình điều tra xác định, mục đích O bắt Nh viết giấy nợ để Nh trả nợ cho vợ mình là Nguyễn Thị Kim N không phải nhằm chiếm đoạt tài sản và cũng chưa lấy được tiền từ Nh. Do đó, hành vi này của O không cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản.

- Đối với hành vi dùng tay đánh vào mặt và đánh vào người Trần Văn Nh của Trần Đỗ Nam O và Phan Bá H. Do không bị thương tích gì nên ngày 09/3/2017 Nh có đơn từ chối giám định tổn hại sức khỏe nên không có căn cứ để xử lý đối với O và H về hành vi này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử phạt hành chính đối với O và H về hành vi này bằng hình thức phạt tiền.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Trần Đỗ Nam O, Phan Bá H, Nguyễn Tường L, Nguyễn Hữu Q, Trần Đại L, Phan Qui R và Dương Công H phạm tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật*".

- Xử phạt bị cáo Trần Đỗ Nam O 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

- Xử phạt bị cáo Phan Bá H 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tường L 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

- Xử phạt bị cáo Trần Đại L 04 (Bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

- Xử phạt bị cáo Phan Qui R 04 (Bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

- Xử phạt bị cáo Dương Công H 04 (Bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2018).

Giao bị cáo Trần Đỗ Nam O cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Phan Bá H, Nguyễn Tường L, Phan Qui R và Dương Công H cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục

trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu Q cho Ủy ban nhân dân xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trần Đại L cho Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho các bị cáo các tài sản và giấy tờ sau:

+ Trả lại cho bị cáo Trần Đỗ Nam O 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo CE 0700, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1661, màu hồng.

+ Trả lại cho bị cáo Phan Bá H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1784, màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tường L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu trắng, bể màn hình; 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tường L.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại RM - 1133, màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia không rõ Model, màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo Dương Công H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1586, màu hồng.

+ Trả lại cho bị cáo Phan Quy R 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Phan Quy R.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 7610, màu đen của bị cáo Nguyễn Tường L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vertu A8, màu đen của bị cáo Phan Bá H.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bao da đựng đàn; 01 (một) dao tự chế dài 108cm; 01 (một) dao tự chế dài 104cm; 03 (ba) kiếm dài 80cm.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2018 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai*)

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Đỗ Nam O, Phan Bá H, Nguyễn Tường L, Nguyễn Hữu Q, Trần Đại L, Phan Qui R và Dương Công H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ ***(Hai trăm nghìn đồng)*** tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;*
- *Công an thành phố P;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;*
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Như Phượng